

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO
GIẢI QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC PHẦN
MÔN HỌC : H?NH HỌA 1 * LỚP: (ARC-111)BCDEFGH
M? MÔN H ỌC : ARC-111 * SỐ TÍN CHỈ : 2 * HỌC KỲ : 3

NGÀY THI: 21/12/2012

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	15	15	55	100		
1	142231436	Bùi Chí	Thanh	K17KTR	(ARC-111)C	8	5	5	2	0.0	Khăng	
2	142234541	Trần Thành	Đạt	K17KTR	(ARC-111)C	0	0	0	V	0.0	Khăng	
3	162233510	Phạm Nguyễn Công	Huy	K17KTR	(ARC-111)B	6	0	4	2	0.0	Khăng	
4	162233560	Thiều Quang	Phước	K17KTR	(ARC-111)E	0	0	0	V	0.0	Khăng	
5	162233612	Nguyễn Hữu	Tiếp	K17KTR	(ARC-111)B	6	0	4	5.5	4.5	Bấu phấ Nam	
6	172237360	Lê Thị	Chi	K17KTR1	(ARC-111)D	10	7	7	8	8.0	Tằm	
7	162223422	Trần Quang	Tùng	K17XDC	(ARC-111)H	10	9	9	9.5	9.4	Chên phấ Bấ	
8	1820414094	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K18KTN	(ARC-111)B	8	8	9.5	7	7.7	Bấ phấ Bấ	
9	1820414116	Phan Thị Thanh	Trúc	K18KTN	(ARC-111)B	10	5.5	6	9	8.2	Tằm phấ Hai	
10	1820424143	Phạm Bảo	Uyên	K18KTN	(ARC-111)B	8	6	5	6	6.2	Sầ phấ Hai	
11	1820424146	Trần Hoàng	Anh	K18KTN	(ARC-111)B	10	7	9	7	7.8	Bấ phấ Tằm	
12	1820424788	Châu Thị Bích	Nga	K18KTN	(ARC-111)B	10	5.5	7	9	8.3	Tằm phấ Ba	
13	1820424789	Lê Thị Hồng	Dung	K18KTN	(ARC-111)B	10	6.5	6	6	6.7	Sầ phấ Bấ	
14	1820425248	Đào Minh	Hường	K18KTN	(ARC-111)B	10	7.5	6.5	9	8.6	Tằm phấ Sầ	
15	1820425845	V? Đăng	Uyên	K18KTN	(ARC-111)B	10	7.5	5	6.5	7.0	Bấ	
16	1820425848	Lê Nguyễn Ái	Mỹ	K18KTN	(ARC-111)B	4	4.5	8	6	5.8	Nằm phấ Tằm	
17	1820425849	Tạ Thị	Thảo	K18KTN	(ARC-111)B	10	6.5	5	9	8.2	Tằm phấ Hai	
18	1820425851	Trần Thị	Hoài	K18KTN	(ARC-111)B	10	6.5	8	7	7.5	Bấ phấ Nằm	
19	1820426027	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	K18KTN	(ARC-111)B	8	6	6	7	6.9	Sầ phấ Chên	
20	1820426207	Trần Thị	Nguyên	K18KTN	(ARC-111)B	6	5.5	5	6	5.8	Nằm phấ Tằm	
21	1820426622	V? Thị Kim	Yến	K18KTN	(ARC-111)B	10	6.5	8	6	7.0	Bấ	
22	1820434164	Phan Thị Như	?	K18KTN	(ARC-111)B	10	8	8.5	7.5	8.1	Tằm phấ Mắ	
23	1821413556	V? Đ?nh	Hùng	K18KTN	(ARC-111)B	10	6	7.5	5	6.3	Sầ phấ Ba	
24	1821416293	Nguyễn Thanh	Nhân	K18KTN	(ARC-111)B	10	7	7	V	0.0	Khăng	
25	1821424144	Nguyễn	Vương	K18KTN	(ARC-111)B	10	6.5	7.5	9	8.6	Tằm phấ Sầ	
26	1821424145	Đặng Thế	Duyệt	K18KTN	(ARC-111)B	10	6	6	8	7.7	Bấ phấ Bấ	
27	1821424790	Hà Phan Triệu	Hoàng	K18KTN	(ARC-111)B	8	4.5	7	6	6.2	Sầ phấ Hai	
28	1821425246	Trần Văn	Giáp	K18KTN	(ARC-111)B	10	6	7.5	8	7.9	Bấ phấ Chên	
29	1821425249	Hồ Đắc	Tài	K18KTN	(ARC-111)B	10	7	6	9	8.4	Tằm phấ Bấ	
30	1821425250	Nguyễn Công	Minh	K18KTN	(ARC-111)B	10	6.5	6	9	8.3	Tằm phấ Ba	
31	1821425846	Nguyễn Tiến	Sỹ	K18KTN	(ARC-111)B	10	6	7.5	9	8.5	Tằm phấ Nằm	
32	1821425847	Trần Hữu	Quốc	K18KTN	(ARC-111)B	10	5.5	5.5	6	6.5	Sầ phấ Nằm	
33	1821426024	Nguyễn Văn	Hạnh	K18KTN	(ARC-111)B	8	5.5	6	7.5	7.1	Bấ phấ Mắ	
34	1821426025	Trần Duy	An	K18KTN	(ARC-111)B	8	4.5	7.5	5.5	6.0	Sầ	
35	1821426026	Bùi Đức	Trường	K18KTN	(ARC-111)B	10	6	8	9	8.6	Tằm phấ Sầ	
36	1821426543	Đặng Lê Quốc	Long	K18KTN	(ARC-111)B	10	6	8	9	8.6	Tằm phấ Sầ	
37	162233586	Trần Ngọc	Thanh	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	V	0.0	Khăng	
38	172236479	Nguyễn Vinh	Hiển	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	HP	0.0	Khăng	
39	172238892	Lê Văn Tuấn	Anh	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	V	0.0	Khăng	
40	1820414108	Đỗ Thị Kim	Ngân	K18KTR1	(ARC-111)C	10	9	7	2	0.0	Khăng	

NGÀY THI: 21/12/2012

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	15	15	55	100		
41	1820414756	Trần Thị	Hiếu	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	V	0.0	Khăng	
42	1820414767	Phạm Trâm	Anh	K18KTR1	(ARC-111)C	10	5	8	5	6.2	Sầu pháy Hai	
43	1820415202	Lê Huỳnh Bảo	Trâm	K18KTR1	(ARC-111)C	8	5	7	6	6.3	Sầu pháy Ba	
44	1820415210	Huỳnh Kim Ý	Thảo	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	8	3	0.0	Khăng	
45	1820415222	Nguyễn Thị Kim	B?nh	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	6	6	6.8	Sầu pháy Tầm	
46	1820416422	Nguyễn Cửu Thanh	Nhân	K18KTR1	(ARC-111)C	10	8	7	9	8.7	Tầm pháy Baý	
47	1821413531	Lâm Minh	Hoàng	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	8	2	0.0	Khăng	
48	1821413534	Từ Văn	Định	K18KTR1	(ARC-111)C	10	8	8	6	7.2	Baý pháy Hai	
49	1821413545	Lê Quang	Huy	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	8	2	0.0	Khăng	
50	1821413837	Nguyễn B?nh Kim	Phong	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	6	3	0.0	Khăng	
51	1821413840	Nguyễn Hữu	Phúc	K18KTR1	(ARC-111)C	10	5	6	3	0.0	Khăng	
52	1821413845	V? Thành	Nhân	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	V	0.0	Khăng	
53	1821414079	Huỳnh Chí	Thắng	K18KTR1	(ARC-111)C	9	5	7	8	7.6	Baý pháy Sầu	
54	1821414080	Bùi Đức Nhất	Linh	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	7	8	8.0	Tầm	
55	1821414096	Trịnh Quốc	Hoàng	K18KTR1	(ARC-111)C	9	5	5	1	0.0	Khăng	
56	1821414099	Lê Tự	Quang	K18KTR1	(ARC-111)C	10	9	9	7	8.1	Tầm pháy Mắt	
57	1821414103	V? Hùng Uy	Dũng	K18KTR1	(ARC-111)C	8	5	6	3	0.0	Khăng	
58	1821414104	Trần Cao Minh	Khánh	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	7	6	6.9	Sầu pháy Chên	
59	1821414106	Nguyễn Phước	Hoàng	K18KTR1	(ARC-111)C	10	5	7	2	0.0	Khăng	
60	1821414752	Nguyễn Hữu	Quốc	K18KTR1	(ARC-111)C	10	8	7	9.5	9.0	Chên	
61	1821414754	Nguyễn Văn	Hảo	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	7	10	9.1	Chên pháy Mắt	
62	1821414766	Hoàng Minh	Trí	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	5.5	3.0	Ba	
63	1821414769	Nguyễn Tấn	Úc	K18KTR1	(ARC-111)C	9	9	7	9.5	9.0	Chên	
64	1821414770	Nguyễn Công	An	K18KTR1	(ARC-111)C	10	8	8	10	9.4	Chên pháy Bấu	
65	1821415196	Lê Văn	Triều	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	7	9.5	8.8	Tầm pháy Tầm	
66	1821415197	Trần Đ?nh	Vương	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	6	9.5	8.5	Tầm pháy Nằm	
67	1821415198	Ngô Đ?nh	Khánh	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	6	5	6.2	Sầu pháy Hai	
68	1821415205	Nguyễn Thanh	Nam	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	7	9	8.6	Tầm pháy Sầu	
69	1821415206	Trần Quang Kim	Vinh	K18KTR1	(ARC-111)C	10	5	7	6	6.6	Sầu pháy Sầu	
70	1821415213	Nguyễn Thanh	Hoài	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	6	5.5	6.3	Sầu pháy Ba	
71	1821415214	Nguyễn Khắc Nhật	Danh	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	5	6	6.5	Sầu pháy Nằm	
72	1821415216	Nguyễn Văn	Hiệp	K18KTR1	(ARC-111)C	10	8	8	6	7.2	Baý pháy Hai	
73	1821415218	Phan Thanh	Tùng	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	7	6	6.8	Sầu pháy Tầm	
74	1821415219	Nguyễn Huy	Vũ	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	7	6.5	7.2	Baý pháy Hai	
75	1821415220	Nguyễn Tây	Đức	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	7	8.5	8.3	Tầm pháy Ba	
76	1821415654	Đoàn	Quân	K18KTR1	(ARC-111)C	0	0	0	V	0.0	Khăng	
77	1821415655	Lê Công	Trường	K18KTR1	(ARC-111)C	9	7	8	5	6.4	Sầu pháy Bấu	
78	1821415657	Nguyễn Bảo	Trung	K18KTR1	(ARC-111)C	10	8	8	8	8.3	Tầm pháy Ba	
79	1821415658	Nguyễn Hải	Trọng	K18KTR1	(ARC-111)C	8	5	6	7	6.7	Sầu pháy Baý	
80	1821415836	Mai Văn	Tú	K18KTR1	(ARC-111)C	6	5	6	2	0.0	Khăng	
81	1821415838	Lê Quang	Lợi	K18KTR1	(ARC-111)C	10	9	10	10	9.9	Chên pháy Chên	
82	1821416013	Trần Mạnh	Cường	K18KTR1	(ARC-111)C	10	7	6	6	6.8	Sầu pháy Tầm	
83	1821416014	Phan Trung	Tân	K18KTR1	(ARC-111)C	9	6	6	8	7.6	Baý pháy Sầu	
84	1821416200	Nguyễn Quang	Huy	K18KTR1	(ARC-111)C	10	8	8	6	7.2	Baý pháy Hai	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	15	15	55	100		
85	1821416201	Phạm Đức	Duy	K18KTR1	(ARC-111)C	10	9	9	8.5	8.9	Tạ̉m phẩp Chên	
86	1821416423	Nguyễn Thành	Long	K18KTR1	(ARC-111)C	10	9	7	8	8.3	Tạ̉m phẩp Ba	
87	1821416575	Hồ Văn	Hùng	K18KTR1	(ARC-111)C	10	8	10	7	8.1	Tạ̉m phẩp Mẩt	
88	1821416620	Trương Triệu	Long	K18KTR1	(ARC-111)C	9	7	7	5	6.2	Sẩu phẩp Hai	
89	1821424147	Lương Xuân	Tiến	K18KTR1	(ARC-111)C	10	6	7	1	0.0	Khẩng	
90	152232821	Trần Quang	Tiến	K18KTR2	(ARC-111)D	0	0	0	HP	0.0	Khẩng	
91	1820413539	Nguyễn Tạ Thảo	Nguyên	K18KTR2	(ARC-111)D	10	8	8	7	7.8	Bẩy phẩp Tạ̉m	
92	1820413542	Trần Thị Thu	Phương	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	7	6	6.9	Sẩu phẩp Chên	
93	1820413843	Lưu Thị Hạnh	Dung	K18KTR2	(ARC-111)D	10	9	9	9.5	9.4	Chên phẩp Bẩu	
94	1820414091	Nguyễn Thanh	Huyền	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	7	7	7.3	Bẩy phẩp Ba	
95	1820414101	Nguyễn Thị Thanh	Hương	K18KTR2	(ARC-111)D	9	7	7	7	7.3	Bẩy phẩp Ba	
96	1820414760	Nguyễn Thị	Diễm	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	7	7	7.5	Bẩy phẩp Nằm	
97	1820414771	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K18KTR2	(ARC-111)D	9	5	7	2	0.0	Khẩng	
98	1820415221	Lê Thị Thùy	Tuyên	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	8	9	8.7	Tạ̉m phẩp Bẩy	
99	1820415835	Lê Thùy	Dương	K18KTR2	(ARC-111)D	10	8	9	7	7.9	Bẩy phẩp Chên	
100	1820425247	V? Thị	Hảo	K18KTR2	(ARC-111)D	10	8	7	6	7.1	Bẩy phẩp Mẩt	
101	1821413536	Nguyễn Minh	Trí	K18KTR2	(ARC-111)D	10	5	10	8	8.2	Tạ̉m phẩp Hai	
102	1821413538	Đoàn Thái	Quang	K18KTR2	(ARC-111)D	10	5	7	5	6.1	Sẩu phẩp Mẩt	
103	1821413550	Bùi Minh	Long	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	9	1	0.0	Khẩng	
104	1821413552	Vũ Anh	Nhật	K18KTR2	(ARC-111)D	9	6	6	9	8.1	Tạ̉m phẩp Mẩt	
105	1821413839	Nguyễn Trung	Kiên	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	8	7	7.6	Bẩy phẩp Sẩu	
106	1821413841	Hồ Thiên	Trúc	K18KTR2	(ARC-111)D	9	5	6	2	0.0	Khẩng	
107	1821413842	Dương Đ?nh	Tú	K18KTR2	(ARC-111)D	10	9	9	9.5	9.4	Chên phẩp Bẩu	
108	1821414071	Cù Duy	Sinh	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	9	9	8.9	Tạ̉m phẩp Chên	
109	1821414072	Trần Văn	Trung	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	7	9	8.6	Tạ̉m phẩp Sẩu	
110	1821414074	Hà Ngọc	Đức	K18KTR2	(ARC-111)D	10	8	9	9.5	9.3	Chên phẩp Ba	
111	1821414076	Lê Đ?nh	Huân	K18KTR2	(ARC-111)D	10	5	10	9	8.7	Tạ̉m phẩp Bẩy	
112	1821414078	Nguyễn Văn	Nga	K18KTR2	(ARC-111)D	10	8	8	7	7.8	Bẩy phẩp Tạ̉m	
113	1821414083	Trương Việt	Tân	K18KTR2	(ARC-111)D	8	5	6	V	0.0	Khẩng	
114	1821414086	Trần Đ?nh Hoàng	Vũ	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	9	1	0.0	Khẩng	
115	1821414087	Lê Văn	Huy	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	7	9	8.4	Tạ̉m phẩp Bẩu	
116	1821414093	Phạm Khánh	Bảo	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	9	9.5	9.1	Chên phẩp Mẩt	
117	1821414097	Lê Thanh	Hiếu	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	8	7.5	7.9	Bẩy phẩp Chên	
118	1821414100	Nguyễn Quang	Viễn	K18KTR2	(ARC-111)D	9	6	6	8	7.6	Bẩy phẩp Sẩu	
119	1821414102	Văn Hữu	Triều	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	7	V	0.0	Khẩng	
120	1821414758	L? Thành	Nhân	K18KTR2	(ARC-111)D	10	9	9	5	7.0	Bẩy	
121	1821414761	Phạm Hoàng	Mỹ	K18KTR2	(ARC-111)D	9	6	6	1	0.0	Khẩng	
122	1821414763	Trần Ngọc Nhật	Quang	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	10	3	0.0	Khẩng	
123	1821414774	Đỗ Từ	Thiện	K18KTR2	(ARC-111)D	10	8	9	8.5	8.7	Tạ̉m phẩp Bẩy	
124	1821415199	Huỳnh Thanh	Vũ	K18KTR2	(ARC-111)D	10	9	9	7	8.1	Tạ̉m phẩp Mẩt	
125	1821415200	Đinh Công Minh	Toàn	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	9	8	8.3	Tạ̉m phẩp Ba	
126	1821415203	Huỳnh	Phú	K18KTR2	(ARC-111)D	9	5	6	7	6.9	Sẩu phẩp Chên	
127	1821415209	Nguyễn Vũ Minh	Hoàng	K18KTR2	(ARC-111)D	0	0	0	V	0.0	Khẩng	
128	1821415211	Dương Hiền	Phát	K18KTR2	(ARC-111)D	10	5	6	5	5.9	Nằm phẩp Chên	

NGÀY THI: 21/12/2012

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	15	15	55	100		
129	1821415215	Trần Trung	Hoài	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	7	8	8.0	Tàm	
130	1821415223	Hồ Hữu	Linh	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	7	2	0.0	Khăng	
131	1821415648	Lưu Như	Thịnh	K18KTR2	(ARC-111)D	9	6	9	8.5	8.3	Tàm pháy Ba	
132	1821415653	Hoàng Công	Thanh	K18KTR2	(ARC-111)D	10	5	7	1	0.0	Khăng	
133	1821415659	Nguyễn Mạnh	Tuấn	K18KTR2	(ARC-111)D	9	6	7	3	0.0	Khăng	
134	1821415832	Lê Tuấn	Anh	K18KTR2	(ARC-111)D	9	5	6	3	0.0	Khăng	
135	1821415834	Nguyễn Hoàng	Khánh	K18KTR2	(ARC-111)D	10	9	9	9	9.2	Chên pháy Hai	
136	1821415837	Lê Thái	Hoàng	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	7	8	7.9	Báy pháy Chên	
137	1821416012	Nguyễn Huy	Giáp	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	10	7	7.8	Báy pháy Tàm	
138	1821416202	V? Đức	Cường	K18KTR2	(ARC-111)D	10	9	9	9.5	9.4	Chên pháy Bấu	
139	1821416292	Phạm Thái	B?nh	K18KTR2	(ARC-111)D	9	5	6	5	5.8	Nàm pháy Tàm	
140	1821416424	Trần Cao Khánh	H?a	K18KTR2	(ARC-111)D	10	7	8	2	0.0	Khăng	
141	1821416661	Nguyễn Minh	Tài	K18KTR2	(ARC-111)D	10	6	10	3	0.0	Khăng	
142	172237443	V? Văn	Nghĩa	K18KTR3	(ARC-111)E	6	6	5	9	7.5	Báy pháy Nàm	
143	1820414088	Phạm Thùy	Trang	K18KTR3	(ARC-111)E	8	0	6	4.5	4.6	Bấu pháy Sầu	
144	1820414089	Trần Thị Thiên	Nga	K18KTR3	(ARC-111)E	10	7.5	6	4	5.7	Nàm pháy Báy	
145	1820414107	Huỳnh Thị Ý	Nhi	K18KTR3	(ARC-111)E	0	5	0	V	0.0	Khăng	
146	1820415201	Mai Thị Tổ	Trình	K18KTR3	(ARC-111)E	10	0	3.5	2	0.0	Khăng	
147	1821413532	Trần Anh Tấn	Phát	K18KTR3	(ARC-111)E	10	7	3.5	6.5	6.7	Sầu pháy Báy	
148	1821413533	Phạm Hoàng	Việt	K18KTR3	(ARC-111)E	10	7	6	9.5	8.7	Tàm pháy Báy	
149	1821413535	Phan Tiến	Dũng	K18KTR3	(ARC-111)E	6	6	6	4	4.9	Bấu pháy Chên	
150	1821413540	Đỗ Hoàng	Quân	K18KTR3	(ARC-111)E	2	4	3	4	3.6	Ba pháy Sầu	
151	1821413543	Lương Văn	Thành	K18KTR3	(ARC-111)E	10	8	6	7	7.5	Báy pháy Nàm	
152	1821413546	Trần Quang	Vũ	K18KTR3	(ARC-111)E	10	8.5	7	9	8.8	Tàm pháy Tàm	
153	1821413549	Trương Khánh	H?a	K18KTR3	(ARC-111)E	10	5	5.5	4	5.3	Nàm pháy Ba	
154	1821413838	Trần Xuân	Quang	K18KTR3	(ARC-111)E	10	7	7	7.5	7.7	Báy pháy Báy	
155	1821413844	Đào Thanh	Hùng	K18KTR3	(ARC-111)E	10	7	6	6	6.8	Sầu pháy Tàm	
156	1821413846	Nguyễn Thành	Trung	K18KTR3	(ARC-111)E	4	4	5	2	0.0	Khăng	
157	1821414073	Nguyễn Văn	Diệu	K18KTR3	(ARC-111)E	8	0	5.5	2	0.0	Khăng	
158	1821414075	V? Thiện	Trí	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6	6.5	8	7.8	Báy pháy Tàm	
159	1821414077	Nguyễn Viết	Cường	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6.5	7.5	6	6.9	Sầu pháy Chên	
160	1821414081	Trần Vũ Tuấn	Sinh	K18KTR3	(ARC-111)E	8	6.5	6	6	6.4	Sầu pháy Bấu	
161	1821414085	Vũ Đình Lu	Y	K18KTR3	(ARC-111)E	10	5.5	4.5	4.5	5.5	Nàm pháy Nàm	
162	1821414090	Huỳnh Anh	Tú	K18KTR3	(ARC-111)E	8	6	6	2	0.0	Khăng	
163	1821414092	Bùi Trường	Phúc	K18KTR3	(ARC-111)E	8	6	6	4	5.2	Nàm pháy Hai	
164	1821414095	Vũ Tuấn	Trung	K18KTR3	(ARC-111)E	8	0	4.5	4.5	4.4	Bấu pháy Bấu	
165	1821414098	Nguyễn Văn	Dương	K18KTR3	(ARC-111)E	10	7	6.5	8.5	8.2	Tàm pháy Hai	
166	1821414105	Trần Viết	Đan	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6.5	6.5	6	6.8	Sầu pháy Tàm	
167	1821414753	Lê Phi	Hoàng	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6.5	7.5	7	7.5	Báy pháy Nàm	
168	1821414755	Hồ Thiện	Quang	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6.5	5.5	7	7.2	Báy pháy Hai	
169	1821414757	Lê Quang	Anh	K18KTR3	(ARC-111)E	10	7.5	6	6	6.8	Sầu pháy Tàm	
170	1821414759	Nguyễn Văn	Toán	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6.5	5	6	6.5	Sầu pháy Nàm	
171	1821414762	Bùi Thế	Lâm	K18KTR3	(ARC-111)E	9	6	3	6	6.0	Sầu	
172	1821414765	Phan Thanh	Hoàn	K18KTR3	(ARC-111)E	8	6	3	7	6.4	Sầu pháy Bấu	

NGÀY THI: 21/12/2012 LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	15	15	55	100		
173	1821414768	Phạm Thái	Hoàng	K18KTR3	(ARC-111)E	10	7.5	7	4	5.9	Nằm pháy Chên	
174	1821414772	Nguyễn Anh	Đức	K18KTR3	(ARC-111)E	6	0	5.5	2	0.0	Khăng	
175	1821415195	Lê Ngọc	Hiếu	K18KTR3	(ARC-111)E	10	0	5	2	0.0	Khăng	
176	1821415204	Nguyễn Huy	Nam	K18KTR3	(ARC-111)E	8	6	6	4	5.2	Nằm pháy Hai	
177	1821415207	Nguyễn Văn	Khải	K18KTR3	(ARC-111)E	6	4.5	3	8.5	6.7	Sầu pháy Baý	
178	1821415208	Nguyễn	Hêli	K18KTR3	(ARC-111)E	8	0	2	4	3.7	Ba pháy Baý	
179	1821415212	Trần Kiêm	Nguyên	K18KTR3	(ARC-111)E	8	4	5	8	7.0	Baý	
180	1821415217	Nguyễn Quang	Khánh	K18KTR3	(ARC-111)E	8	0	7	8.5	6.9	Sầu pháy Chên	
181	1821415649	Nguyễn Viết	B?nh	K18KTR3	(ARC-111)E	6	6	6	3	0.0	Khăng	
182	1821415650	Trần Duy	Thịnh	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6.5	6	6	6.7	Sầu pháy Baý	
183	1821415651	Lê Nguyên	Vũ	K18KTR3	(ARC-111)E	8	4	6	4.5	5.2	Nằm pháy Hai	
184	1821415652	Hồ Hải	Long	K18KTR3	(ARC-111)E	8	6	7	6	6.5	Sầu pháy Nằm	
185	1821415656	Nguyễn Minh	Tuyển	K18KTR3	(ARC-111)E	4	4	5.5	V	0.0	Khăng	
186	1821415833	Lê Công	Hướng	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6	6.5	8	7.8	Baý pháy Tằm	
187	1821415839	Trần Quang	Linh	K18KTR3	(ARC-111)E	10	6	6	2	0.0	Khăng	
188	1821416011	Nguyễn Đặng Quốc	Huy	K18KTR3	(ARC-111)E	8	8	6	6	6.6	Sầu pháy Sầu	
189	1821416015	Nguyễn Hoàng	Hải	K18KTR3	(ARC-111)E	8	5	3.5	5	5.2	Nằm pháy Hai	
190	1821416203	Lê Tài	Tùng	K18KTR3	(ARC-111)E	10	2	3	4.5	4.7	Bấú pháy Baý	
191	1821416618	Phạm Ngọc	Quang	K18KTR3	(ARC-111)E	4	7	6	4	4.8	Bấú pháy Tằm	
192	1821416619	Phạm Ngọc	Duẩn	K18KTR3	(ARC-111)E	10	8	7	9	8.7	Tằm pháy Baý	
193	151135221	Dương Minh	Mẫn	K18XCD1	(ARC-111)F	6	7	6	4	5.1	Nằm pháy Mắú	
194	161325635	Lê Anh	Tài	K18XCD1	(ARC-111)F	6	5	5	6	5.7	Nằm pháy Baý	
195	171136417	Vũ Lê Sĩ	Thanh	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	V	0.0	Khăng	
196	171216217	Lương Thanh	B?nh	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	V	0.0	Khăng	
197	1810614449	Phan Thị	Mai	K18XCD1	(ARC-111)F	10	9	8	2	0.0	Khăng	
198	1810616694	Nguyễn Thị Minh	Trang	K18XCD1	(ARC-111)F	9	8	8	4.5	6.2	Sầu pháy Hai	
199	1810616718	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	HP	0.0	Khăng	
200	1811613501	Bùi Ngọc	Quốc	K18XCD1	(ARC-111)F	6	8	5	2	0.0	Khăng	
201	1811613724	Nguyễn Hoàng	Duy	K18XCD1	(ARC-111)F	9	7	7	2	0.0	Khăng	
202	1811613725	Mai Nguyên	Phước	K18XCD1	(ARC-111)F	8	6	5	5.5	5.9	Nằm pháy Chên	
203	1811613920	Nguyễn Chánh	T?nh	K18XCD1	(ARC-111)F	4	0	5	2	0.0	Khăng	
204	1811614439	Trần Văn	Thắng	K18XCD1	(ARC-111)F	6	6	2	4.5	4.6	Bấú pháy Sầu	
205	1811614440	Phan Thê	Hiển	K18XCD1	(ARC-111)F	8	7	6	6	6.5	Sầu pháy Nằm	
206	1811614442	Bùi Trung	Vỹ	K18XCD1	(ARC-111)F	9	6	6	5	5.9	Nằm pháy Chên	
207	1811614443	Đỗ Phạm Thanh	Sang	K18XCD1	(ARC-111)F	6	5	5	4.5	4.9	Bấú pháy Chên	
208	1811614444	Phan Văn	Tiến	K18XCD1	(ARC-111)F	5	7	6	4	4.9	Bấú pháy Chên	
209	1811614446	Lê Việt	Hưng	K18XCD1	(ARC-111)F	8	7	8	2	0.0	Khăng	
210	1811614989	Ngô Văn	Tây	K18XCD1	(ARC-111)F	9	8	7	1	0.0	Khăng	
211	1811614991	Tạ Quang	Vũ	K18XCD1	(ARC-111)F	10	7	8	4	6.0	Sầu	
212	1811614994	Nguyễn Trường	Long	K18XCD1	(ARC-111)F	4	6	6	3	0.0	Khăng	
213	1811614995	Lê Trường	Sơn	K18XCD1	(ARC-111)F	5	6	4	3	0.0	Khăng	
214	1811614996	Hoàng Công	Thạo	K18XCD1	(ARC-111)F	9	7	7	8	7.9	Baý pháy Chên	
215	1811614998	Trương Mạnh	Tuấn	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	V	0.0	Khăng	
216	1811614999	Hoàng Quốc	Khánh	K18XCD1	(ARC-111)F	6	6	5	5	5.3	Nằm pháy Ba	

NGÀY THI: 21/12/2012

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	15	15	55	100		
217	1811615436	Nguyễn Minh	Tiến	K18XCD1	(ARC-111)F	5	6	4	3	0.0	Khăng	
218	1811615439	Hoàng	Lan	K18XCD1	(ARC-111)F	9	8	8	5.5	6.8	Sầu pháy Tầm	
219	1811615440	Thái	Nguyễn	K18XCD1	(ARC-111)F	6	5	5	3	0.0	Khăng	
220	1811615443	Nguyễn Ngọc	An	K18XCD1	(ARC-111)F	8	9	8	4.5	6.2	Sầu pháy Hai	
221	1811615445	Nguyễn Thanh	Xuân	K18XCD1	(ARC-111)F	8	8	6	2	0.0	Khăng	
222	1811615447	Trần Nhật	Hoàng	K18XCD1	(ARC-111)F	10	5	8	6	6.8	Sầu pháy Tầm	
223	1811615449	V? Như	Minh	K18XCD1	(ARC-111)F	7	6	7	2	0.0	Khăng	
224	1811615752	Phan Thanh	Phong	K18XCD1	(ARC-111)F	4	8	6	4.5	5.2	Nằm pháy Hai	
225	1811615754	Phạm Văn	Châu	K18XCD1	(ARC-111)F	10	8	7	5	6.5	Sầu pháy Nằm	
226	1811615755	Vũ Mạnh	Hải	K18XCD1	(ARC-111)F	9	5	5	2	0.0	Khăng	
227	1811615909	Nguyễn Văn	Dũng	K18XCD1	(ARC-111)F	7	6	5	2	0.0	Khăng	
228	1811615911	Nguyễn Hữu	Trung	K18XCD1	(ARC-111)F	6	5	5	V	0.0	Khăng	
229	1811615914	Từ Minh	Nhân	K18XCD1	(ARC-111)F	7	8	8	4	5.7	Nằm pháy Baý	
230	1811615915	Huỳnh Ngọc	Phổ	K18XCD1	(ARC-111)F	8	8	6	5	6.1	Sầu pháy Mất	
231	1811616109	Nguyễn Trí	Hướng	K18XCD1	(ARC-111)F	6	7	6	5	5.6	Nằm pháy Sầu	
232	1811616112	Trần Ngọc	Giang	K18XCD1	(ARC-111)F	7	7	6	2	0.0	Khăng	
233	1811616115	Lê Tự	Hùng	K18XCD1	(ARC-111)F	8	7	7	4	5.5	Nằm pháy Nằm	
234	1811616116	Lê Quang	H?a	K18XCD1	(ARC-111)F	7	5	5	3	0.0	Khăng	
235	1811616117	Huỳnh Quốc	Đạt	K18XCD1	(ARC-111)F	0	0	0	2	0.0	Khăng	
236	1811616250	Đặng Văn	Trung	K18XCD1	(ARC-111)F	7	7	8	4	5.5	Nằm pháy Nằm	
237	1811616251	Trần Xuân	Hắc	K18XCD1	(ARC-111)F	10	7	7	2	0.0	Khăng	
238	1811616362	Nguyễn Tấn	Sanh	K18XCD1	(ARC-111)F	6	0	5	2	0.0	Khăng	
239	1811616363	Trần Hồng	Hạnh	K18XCD1	(ARC-111)F	9	7	7	4	5.7	Nằm pháy Baý	
240	1811616365	Nguyễn Phúc	Thịnh	K18XCD1	(ARC-111)F	8	7	7	4	5.5	Nằm pháy Nằm	
241	1811616366	Huỳnh Văn	Việt	K18XCD1	(ARC-111)F	4	7	6	2	0.0	Khăng	
242	1811616477	Nguyễn Đức	Chuẩn	K18XCD1	(ARC-111)F	10	7	6	2	0.0	Khăng	
243	1811616479	Lê Thành	Khang	K18XCD1	(ARC-111)F	6	5	5	4	4.6	Bầu pháy Sầu	
244	1811616480	Trần Đăng	Khoa	K18XCD1	(ARC-111)F	4	6	4	5.5	5.1	Nằm pháy Mất	
245	1811616481	Ban Lại	Nam	K18XCD1	(ARC-111)F	6	7	6	3	0.0	Khăng	
246	1811616485	Vương Anh	Quốc	K18XCD1	(ARC-111)F	8	5	6	8	7.3	Baý pháy Ba	
247	1811616591	Nguyễn Thanh	Phương	K18XCD1	(ARC-111)F	6	7	5	2	0.0	Khăng	
248	1811616594	V? Hữu	Tùng	K18XCD1	(ARC-111)F	4	8	5	2	0.0	Khăng	
249	1811616672	Phan Văn	Viên	K18XCD1	(ARC-111)G	8	6	7	2	0.0	Khăng	
250	1811616695	Đinh Văn	Trường	K18XCD1	(ARC-111)F	8	5	6	5.5	5.9	Nằm pháy Chên	
251	1811416504	Nguyễn Văn	Linh	K18XCD2	(ARC-111)G	6	0	8	4	4.3	Bầu pháy Ba	
252	1811613722	Đinh Quốc	Tuấn	K18XCD2	(ARC-111)G	6	6	8	1	0.0	Khăng	
253	1811613723	Đỗ Hồng	Muôn	K18XCD2	(ARC-111)G	10	7	8	8.5	8.4	Tầm pháy Bầu	
254	1811613726	Nguyễn Ngọc	Sanh	K18XCD2	(ARC-111)G	5	3	6	4	4.3	Bầu pháy Ba	
255	1811614436	Lê Văn	Vỹ	K18XCD2	(ARC-111)G	10	7	7	2	0.0	Khăng	
256	1811614438	Hồ Công	Đạt	K18XCD2	(ARC-111)G	8	7	6	7	7.0	Baý	
257	1811614441	Nguyễn Hữu Thanh	Tùng	K18XCD2	(ARC-111)G	7	5	7	1	0.0	Khăng	
258	1811614445	Lê Tấn	Hân	K18XCD2	(ARC-111)G	8	6	7	6	6.5	Sầu pháy Nằm	
259	1811614447	Nguyễn Công	Vũ	K18XCD2	(ARC-111)G	6	8	7	1	0.0	Khăng	
260	1811614448	Lê Tự	Nhật	K18XCD2	(ARC-111)G	9	5	7	4	5.4	Nằm pháy Bầu	

NGÀY THI: 21/12/2012

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
						A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
						15	15	15	55	100		
261	1811614450	Phan Công	Hải	K18XCD2	(ARC-111)G	8	7	6	2	0.0	Khăng	
262	1811614451	Thái Hoàng	Hà	K18XCD2	(ARC-111)G	5	0	7	2	0.0	Khăng	
263	1811614990	Nguyễn Tiến	Châu	K18XCD2	(ARC-111)G	3	0	6	2	0.0	Khăng	
264	1811614992	Lê Phú	Thịnh	K18XCD2	(ARC-111)G	9	7	7	4.5	5.9	Nằm pháy Chên	
265	1811614993	Nguyễn Viết	Hiền	K18XCD2	(ARC-111)G	10	8	8	4	6.1	Sầu pháy Mất	
266	1811614997	Trương Quang	Nhân	K18XCD2	(ARC-111)G	8	6	7	7.5	7.3	Báy pháy Ba	
267	1811615000	Nguyễn Đăng	Phong	K18XCD2	(ARC-111)G	3	0	6	7	5.2	Nằm pháy Hai	
268	1811615001	Lê Thành Công	Tr?nh	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	8	2	0.0	Khăng	
269	1811615002	Trần Trọng	Vi	K18XCD2	(ARC-111)G	6	8	7	2	0.0	Khăng	
270	1811615437	Nguyễn Thanh	Đức	K18XCD2	(ARC-111)G	10	6	7	6	6.8	Sầu pháy Tầm	
271	1811615438	Dương Hoàng	Gia	K18XCD2	(ARC-111)G	8	0	5	7.5	6.1	Sầu pháy Mất	
272	1811615441	Trần Văn	Thời	K18XCD2	(ARC-111)G	5	6	5	2	0.0	Khăng	
273	1811615442	Nguyễn Viết	Thái	K18XCD2	(ARC-111)G	8	7	8	3	0.0	Khăng	
274	1811615444	Nguyễn Văn	Quyết	K18XCD2	(ARC-111)G	10	8	8	8	8.3	Tầm pháy Ba	
275	1811615446	Phan Văn	Tín	K18XCD2	(ARC-111)G	8	6	6	1	0.0	Khăng	
276	1811615448	Phan Đ?nh	Linh	K18XCD2	(ARC-111)G	10	7	8	4	6.0	Sầu	
277	1811615450	Trần Mậu	Châu	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	8	2	0.0	Khăng	
278	1811615751	Nguyễn Thế	Hoàn	K18XCD2	(ARC-111)G	0	0	0	V	0.0	Khăng	
279	1811615753	Phan Thanh	Toàn	K18XCD2	(ARC-111)G	4	5	5	1	0.0	Khăng	
280	1811615756	V? Thanh	Tân	K18XCD2	(ARC-111)G	3	6	5	1	0.0	Khăng	
281	1811615757	Trần Tiến	Dũng	K18XCD2	(ARC-111)G	10	8	9	7	7.9	Báy pháy Chên	
282	1811615758	Hà Xuân	Sơn	K18XCD2	(ARC-111)G	0	0	0	V	0.0	Khăng	
283	1811615908	Đình Xuân	Minh	K18XCD2	(ARC-111)G	10	8	8	7	7.8	Báy pháy Tầm	
284	1811615910	Hồ Trung	Vương	K18XCD2	(ARC-111)G	8	6	7	1	0.0	Khăng	
285	1811615912	Nguyễn Duy	Thảo	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	7	2	0.0	Khăng	
286	1811615913	Lương Quốc	Trung	K18XCD2	(ARC-111)G	6	0	5	4	3.9	Ba pháy Chên	
287	1811616110	Nguyễn Đ?nh	Quang	K18XCD2	(ARC-111)G	7	7	8	4	5.5	Nằm pháy Nằm	
288	1811616111	Nguyễn Văn Duy	Khánh	K18XCD2	(ARC-111)G	9	7	7	4	5.7	Nằm pháy Báy	
289	1811616252	Nguyễn Quốc	Tiến	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	9	2	0.0	Khăng	
290	1811616253	Nguyễn Bá Trọng	Trí	K18XCD2	(ARC-111)G	6	3	8	1	0.0	Khăng	
291	1811616364	Trương L?	Huỳnh	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	7	8	8.0	Tầm	
292	1811616478	Trần Tiểu	Long	K18XCD2	(ARC-111)G	9	6	7	7.5	7.4	Báy pháy Bấu	
293	1811616482	Nguyễn Hồng	Phúc	K18XCD2	(ARC-111)G	7	6	7	7.5	7.1	Báy pháy Mất	
294	1811616483	Trần	Hoàng	K18XCD2	(ARC-111)G	10	9	9	8	8.6	Tầm pháy Sầu	
295	1811616484	Phạm Nhật	Kỳ	K18XCD2	(ARC-111)G	8	0	7	5	5.0	Nằm	
296	1811616528	Trần Chánh	Hùng	K18XCD2	(ARC-111)G	7	6	8	5	5.9	Nằm pháy Chên	
297	1811616557	Hà Sơn	Nam	K18XCD2	(ARC-111)G	9	8	9	7	7.8	Báy pháy Tầm	
298	1811616558	Đào Hữu	Khánh	K18XCD2	(ARC-111)G	9	6	9	4	5.8	Nằm pháy Tầm	
299	1811616592	Phạm Trung	Hiếu	K18XCD2	(ARC-111)G	8	6	8	3	0.0	Khăng	
300	1811616593	Nguyễn Văn	Phương	K18XCD2	(ARC-111)G	0	0	0	V	0.0	Khăng	
301	1811616643	Nguyễn Trần	Linh	K18XCD2	(ARC-111)G	10	8	7	2	0.0	Khăng	
302	1821623526	Nguyễn Xuân	Phúc	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	9	7	8.1	Tầm pháy Mất	
303	1821623528	Hoàng Trung	Thành	K18XDC	(ARC-111)H	9	7	7	9	8.4	Tầm pháy Bấu	
304	1821623529	Lê Văn	Thọ	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	10	7	8.2	Tầm pháy Hai	

NGÀY THI: 21/12/2012

LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
305	1821623530	Nguyễn Thanh Vũ	K18XDC	(ARC-111)H	6	5	6	4	4.8	Bấu phấo Tầm	
306	1821623836	Phạm Duy	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	6	7	7.6	Bấo phấo Sầu	
307	1821624058	Lê Văn Hậu	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	9	8.5	8.7	Tầm phấo Bấo	
308	1821624059	Lê Minh Huy	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	9	9	9.2	Chên phấo Hai	
309	1821624060	Nguyễn Văn Dương	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	10	1	0.0	Khăng	
310	1821624061	Nguyễn Văn Hùng	K18XDC	(ARC-111)H	8	5	7	1	0.0	Khăng	
311	1821624062	Nguyễn Đ?nh Quốc	K18XDC	(ARC-111)H	10	7	9	5	6.7	Sầu phấo Bấo	
312	1821624063	Lê Minh Tuấn	K18XDC	(ARC-111)H	10	5	8	3	0.0	Khăng	
313	1821624064	Lê Văn Cường	K18XDC	(ARC-111)H	10	7	10	8	8.5	Tầm phấo Nầm	
314	1821624065	Phạm Hữu Nhân	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	9	1	0.0	Khăng	
315	1821624067	Nguyễn Tấn Phương	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	9	6	7.5	Bấo phấo Nầm	
316	1821624068	Nguyễn Đăng Khoa	K18XDC	(ARC-111)H	9	6	6	1	0.0	Khăng	
317	1821624069	Phạm Minh Nghĩa	K18XDC	(ARC-111)H	9	8	9	1	0.0	Khăng	
318	1821624070	Bùi Văn Thanh	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	9	1	0.0	Khăng	
319	1821624748	Lê Thy Nguyên	K18XDC	(ARC-111)H	9	6	6	9	8.1	Tầm phấo Mắu	
320	1821624749	Dương Văn Cường	K18XDC	(ARC-111)H	10	7	9	1	0.0	Khăng	
321	1821624750	Hoàng Phan Thanh Tùng	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	9	3	0.0	Khăng	
322	1821624751	Đặng Sĩ Nhật	K18XDC	(ARC-111)H	9	5	6	7	6.9	Sầu phấo Chên	
323	1821625189	Nguyễn Tấn Hiền	K18XDC	(ARC-111)H	8	5	8	DC	0.0	Khăng	
324	1821625190	Nguyễn Đức Đạt	K18XDC	(ARC-111)H	8	5	7	V	0.0	Khăng	
325	1821625191	Bùi Xuân Hoàng Linh	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	10	1	0.0	Khăng	
326	1821625192	Mai Xuân Trường	K18XDC	(ARC-111)H	8	5	7	7	6.9	Sầu phấo Chên	
327	1821625193	Ngô Thanh Quang	K18XDC	(ARC-111)H	9	9	8	7	7.8	Bấo phấo Tầm	
328	1821625194	Lê Anh Quân	K18XDC	(ARC-111)H	10	8	7	6	7.1	Bấo phấo Mắu	
329	1821625645	Nguyễn Minh Tín	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	10	6	7.7	Bấo phấo Bấo	
330	1821625646	Hà Quốc Nam	K18XDC	(ARC-111)H	9	8	9	1	0.0	Khăng	
331	1821625647	Trần Đức Anh	K18XDC	(ARC-111)H	9	7	7	9.5	8.7	Tầm phấo Bấo	
332	1821626007	Nguyễn Đức Thông	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	10	9.5	9.6	Chên phấo Sầu	
333	1821626008	Nguyễn Anh Tuấn	K18XDC	(ARC-111)H	10	9	9	7	8.1	Tầm phấo Mắu	
334	1821626009	Mai Văn Đắc	K18XDC	(ARC-111)H	10	6	7	5.5	6.5	Sầu phấo Nầm	
1	112210269	Nguyễn Khánh Ngọc	K12XDD1	(ARC-111)H	9	5	9	9	8.4	Tầm phấo Bấu	
2	142231374	Phan Đức Anh	K14KTR1	(ARC-111)B	6	4	6	6	5.7	Nầm phấo Bấo	
3	142231394	Lê Nguyễn Văn Happy	K14KTR1	(ARC-111)B	6	4	4	7	6.0	Sầu	
4	142231400	Nguyễn Đ?nh Huy	K14KTR1	(ARC-111)B	0	0	5	6.5	4.3	Bấu phấo Ba	
5	141213188	Ngô Đức Nam	K14XCD	(ARC-111)F	8	7	8	5.5	6.5	Sầu phấo Nầm	
6	111150463	Nguyễn Hồng Vân	K14XDC	(ARC-111)H	8	5	6	5.5	5.9	Nầm phấo Chên	
7	142221332	Nguyễn Văn Đức	K14XDC	(ARC-111)H	9	6	9	5	6.4	Sầu phấo Bấu	
8	142221335	V? Vũ Hiền	K14XDC	(ARC-111)H	10	7	9	4	6.1	Sầu phấo Mắu	
9	142221369	Nguyễn Vũ Tuấn	K14XDC	(ARC-111)H	10	9	10	9	9.3	Chên phấo Ba	
10	151214532	Huỳnh Châu Thanh Hoàng	K15XCD1	(ARC-111)F	9	7	8	5.5	6.6	Sầu phấo Sầu	
11	151214536	Phan Văn Phú	K15XCD1	(ARC-111)F	5	5	6	5.5	5.4	Nầm phấo Bấu	
12	151215865	Trần Thanh Tùng	K15XCD2	(ARC-111)G	5	6	6	1	0.0	Khăng	
13	152212744	Nguyễn Anh Tuấn	K15XDD2	(ARC-111)E	4	0	0	V	0.0	Khăng	
14	142234644	Bùi Đức Lâm	K16KTR5	(ARC-111)H	8	5	7	V	0.0	Khăng	

NGÀY THI: 21/12/2012 LẦN THI: 1

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	ĐIỂM QT HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
15	152232830	Nguyễn Ngọc Tuyên	K16KTR5	(ARC-111)C	9	5	6	V	0.0	Khăng	
16	152233012	Nguyễn Đàm Hoài Phương	K16KTR5	(ARC-111)B	0	0	0	V	0.0	Khăng	
17	151324930	Nguyễn Quang Vinh	K16XCD1	(ARC-111)H	7	5	7	9.5	8.1	Tầm pháp Mất	
18	161215093	Nguyễn Đông Dắc	K16XCD2	(ARC-111)F	2	0	6	8	5.6	Nằm pháp Sầu	
19	161215097	Trịnh Quốc Đạt	K16XCD2	(ARC-111)F	5	5	7	V	0.0	Khăng	
20	161215187	Nguyễn Tấn Thoại	K16XCD3	(ARC-111)H	9	8	9	6	7.2	Báy pháp Hai	
21	161217289	Nguyễn Văn Quý	K16XCD3	(ARC-111)H	9	5	7	9.5	8.4	Tầm pháp Bấu	
22	152212626	Dương Quang Minh	K16XDD2	(ARC-111)H	9	9	10	9	9.2	Chên pháp Hai	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	231	65%	
2	Số sinh viên nợ	125	35%	
TỔNG CỘNG :		356	100%	

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 01 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú